

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2018/HC-ST
Ngày 12 - 6 - 2018
V/v “Khiếu kiện QĐHC trong trường
hợp cấp GCNQSDĐ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Nghĩa**

Các Hội thẩm nhân dân : Ông **Phạm Văn Tuất**
Ông **Trần Văn Lý**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Mỹ Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Trương Minh Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2017/TLST-HC ngày 04 tháng 10 năm 2017, về việc “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HC ngày 23 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Hồ Thị D**; Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (đã chết ngày 16/12/2017);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện: Ông **Lê Văn Đ**; Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Khánh Hòa: Có mặt.

- Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K**: Vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông **Nguyễn Văn T**;

2. Ông **Khổng Hàn Th**;

Là các chuyên viên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K: Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Ủy ban nhân dân huyện V**;

Ông **Võ Lục P** – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện V (Văn bản ủy quyền số 860/UBND ngày 23/4/2018): Có mặt.

2. **Ủy ban nhân dân xã K**;

Ông **Ngô Xuân D** – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã K (Văn bản ủy quyền số 58/UBND ngày 15/5/2018): Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Phạm Văn T**; Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện V: Vắng mặt;
 2. Ông **Bùi X**: Vắng mặt;
 3. Ông **Nguyễn Văn H**: Có mặt;
 4. Ông **Đoàn V**: Vắng mặt;
 5. Ông **Nguyễn Đ**: Có mặt;
 6. Ông **Nguyễn R**: Có mặt;
 7. Bà **Phạm Thị H**: Vắng mặt;
- Cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 04 tháng 6 năm 2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định số 229/QĐ-UBND bác nội dung đơn khiếu nại đề ngày 23/3/2009 của bà Hồ Thị D về khiếu nại yêu cầu UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 18.000m² (có diện tích thực tế là 17.463m²) tọa lạc tại thôn N, xã K, huyện V.

Ngày 15 tháng 12 năm 2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 3240/QĐ-UBND bác nội dung đơn khiếu nại ghi ngày 22/6/2009 của bà Hồ Thị D khiếu nại UBND huyện V không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng khoảng 18.000m² (diện tích thực tế 17.463m²) đất tọa lạc tại thôn N, xã K, huyện V; Công nhận Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 229/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Thị D là đúng pháp luật.

Ngày 08 tháng 01 năm 2010, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa có Thông báo số 02/TB-TA về việc trả lại đơn khởi kiện của bà Hồ Thị D đối với Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh K.

Ngày 22 tháng 11 năm 2011 và ngày 16/3/2012, bà Hồ Thị D gửi đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung đến Tòa án nhân dân huyện V yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của các Văn bản do bà giao nộp kèm theo đơn khởi kiện (trong đó có Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh K).

Ngày 29 tháng 6 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận được đơn khởi kiện ngày 09/5/2017 của bà Hồ Thị D (do Tòa án nhân dân huyện V chuyển đến), khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 3240/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh K.

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh K và trình bày:

Ngày 16/3/2012, bà Hồ Thị D đã có đơn gửi Tòa án nhân dân huyện V khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 3240/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh K nhưng Tòa án nhân dân huyện V không xem xét giải

quyết mà yêu cầu bà làm lại đơn khởi kiện nên ngày 09/5/2017 bà làm lại đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện V chuyển đơn khởi kiện của bà đến Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bà Hồ Thị D không có chồng, con. Cha mẹ bà D đều chết trước bà D. Ông Lê Văn Đ là cháu gọi bà D là cô ruột. Ngày 01/11/2017, bà Hồ Thị D lập di chúc cho cháu là Lê Văn Đ được thừa kế 17.463m² đất nêu tại Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh K và được thay mặt bà tiếp tục tham gia tố tụng tại tòa án việc khiếu kiện Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 15/12/2009.

Cha, mẹ bà D có tạo lập được 01ha đất. Khi cha, mẹ bà qua đời thì giấy tờ về đất này do bà D đứng tên. Bà D đã sử dụng đất trong 30 năm, có đóng thuế và được chính quyền cũ nhận thật trong Tờ khai căn nguyên ngày 30/6/1973. Bản gốc Tờ khai căn nguyên đã được bà nộp cho chính quyền cũ nên đã bị thất lạc do chiến tranh nhưng bà vẫn còn bản sao hợp lệ của Tờ khai căn nguyên.

Sau năm 1975, bà có khai phá thêm nên diện tích đất để trồng trọt nên tổng diện tích đất là 17.463m². Biên bản kiểm tra thực địa ngày 02/10/2008 và ngày 08/5/2009 của UBND xã K và UBND huyện V xác định bà D có trồng trọt trên đất. Quá trình sử dụng đất, ông Phạm Văn T có chiếm 260m² đất và nhận chuyển nhượng 1.348m² của bà D và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

Nguồn gốc đất bà D yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm trong diện tích đất nói trên nên trường hợp của bà Hồ Thị D đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 nhưng Quyết định số 3240/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh K lại kết luận từ sau năm 1975, bà D không liên tục trực tiếp sử dụng phần đất khoảng 17.463m² và không có cơ sở để xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D là không đúng.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà Hồ Thị D giao nộp các bản sao: Văn bản số 202/TTr-NV4 ngày 18/5/2011 của Thanh tra tỉnh K; Văn bản số 4707/UBND ngày 08/9/2010 và số 562/UBND ngày 09/02/2011 của UBND tỉnh K; Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 02/TB-TA ngày 08/01/2010; Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của Chủ tịch UBND huyện V; Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh K; Giấy mời của Thanh tra huyện V; Giấy mời của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V; Văn bản số 113/CV-UBND ngày 23/7/2008; Phiếu thu số 07 ngày 06/7/1995; Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ; các bản pho to: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 17/5/1996 của ông Phạm Văn T; Tờ khai căn nguyên ruộng đất 30 năm ngày 15/6/1973 của bà Hồ Thị D; Phiếu biên nhận ngày 21/8/2007.

Quá trình tham gia tố tụng, ông Lê Văn Đ giao nộp cho Tòa án các bản pho to di chúc ngày 01/11/2017 của bà Hồ Thị D; Trích lục khai tử; Quyết định số 180/QĐ-SLĐTBXH ngày 06/02/2018 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội về việc cấp mai táng phí và trợ cấp 03 tháng đối với thương binh từ trần;

Đơn xin làm giấy số đỏ; Giấy mượn đất canh tác đề ngày 02/3/2003 của ông Nguyễn Văn H; Bản tường thuật của ông Đoàn V.

Quá trình tham gia tố tụng, người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị xét xử vắng mặt người bị kiện và trình bày:

Ngày 23/3/2009, bà Hồ Thị D có đơn khiếu nại việc UBND huyện V, tỉnh K không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 18.000m² (có diện tích thực tế là 17.463m²) tọa lạc tại thôn N, xã K, huyện V và UBND huyện tự ý lấy đất đang trồng trọt của bà cho Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng K thuê. Thực chất nội dung khiếu nại của bà D là khiếu nại đòi lại đất nên căn cứ Khoản 2, Điều 10 Luật Đất đai năm 2003, Khoản 1 Điều 4 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ, Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 06/6/2009 với nội dung bác đơn khiếu nại của bà Hồ Thị D.

Không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện V, bà D tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh K. Căn cứ quy định của Luật Đất đai năm 2003, Tờ khai căn nguyên ruộng đất lập ngày 15/6/1973 do bà Hồ Thị D cung cấp không thuộc một trong các loại giấy tờ quy định tại Khoản 1,2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003. Phiếu thu tiền bà D giao nộp tạm thu phí cấp đất thổ cư, 18.000m² đất bà D yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất trồng màu nên Phiếu thu tiền nói trên không liên quan gì đến phần đất bà D yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, từ sau giải phóng miền Nam (1975), bà D không đăng ký sử dụng đất, không có tài liệu chứng minh việc bà sử dụng liên tục, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với phần đất nói trên. Vì vậy, việc bà D xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 18.000m² đất tại thôn N, xã K, huyện V là không có cơ sở để xem xét. Ngày 26/8/2009, Chủ tịch UBND tỉnh K đã ban hành Quyết định số 3240/QĐ-UBND bác khiếu nại của bà D, giữ nguyên Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 06/6/2009 của Chủ tịch UBND huyện V là đúng pháp luật, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D.

Ngoài ra, người bị kiện còn trình bày: Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 3240/QĐ-UBND, bà D có đơn khởi kiện nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã không thụ lý và có Thông báo số 02/TB-TA ngày 08/01/2010 trả lại đơn khởi kiện. Căn cứ Khoản 16 Điều 2 Luật Khiếu nại tố cáo năm 1998 (được sửa đổi bổ sung năm 2004, 2005) thì Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 26/8/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh K là quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét thời hiệu khởi kiện của bà Hồ Thị D theo quy định của Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện V trình bày: Năm 2008, bà Hồ Thị D có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất diện tích 18.000m² đất màu tại thôn N, xã K thuộc các thửa đất số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55 và một phần các thửa số 01, 12 tờ bản đồ số 9 (đo vẽ năm 1986) tương ứng các thửa số 21 tờ bản đồ số 9 bản đồ Vlap (đo vẽ năm 2012). Theo sổ mục kê năm 1985 của UBND xã K,

các thửa đất số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 50, 51, 52, 53, 54, 55 do Hợp tác xã Nông nghiệp K2 sử dụng. Các thửa số 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49 do người dân tự khai phá sử dụng, không đăng ký, kê khai (trong Sổ mục kê không xác định chủ sử dụng đất). Tại Quyết định số 14/QĐ/UB ngày 05/01/1988, UBND tỉnh Phú Khánh đã trưng dụng toàn bộ phần đất nói trên giao cho Nông trường Dừa sử dụng. Năm 1992, Nông trường Dừa giải thể, đất để trống, không có người sử dụng. Sau khi Nông trường Dừa giải thể, đất do UBND xã K quản lý. Khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, khu vực này là đất hoang nên không đưa vào cân đối giao cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Năm 1996, đất được quy hoạch là đất ở theo Quyết định số 54/QĐ-UB ngày 25/3/1996 của UBND huyện V. Như vậy, từ sau năm 1975 đến nay, toàn bộ phần đất bà D yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã do Nhà nước quản lý. Việc bà D tự ý chuyển nhượng đất, cho người khác sử dụng đất là không hợp pháp. Sau khi kiểm tra, phát hiện việc ông Phạm Văn T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nhận chuyển nhượng của bà Hồ Thị D, UBND huyện V đã chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện việc xử lý việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông T.

Căn cứ Khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2003; Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, UBND xã K có Văn bản trả lời trường hợp đất bà D yêu cầu không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có cơ sở. Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 23/3/2009 bác khiếu nại của bà Hồ Thị D.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã K trình bày:

Nguồn gốc khu đất bà Hồ Thị D xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đúng như nội dung trình bày của đại diện UBND huyện V. Việc bà D tự ý chuyển nhượng đất cho ông Phạm Văn T và cho một số người dân khác canh tác trên đất nói trên UBND xã K không biết. Khi bà D có đơn khiếu nại việc không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã kiểm tra, xác minh mới biết sự việc này. Ngoài phần đất nói trên, năm 1996, bà Hồ Thị D đăng ký, kê khai và được cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 799 tờ bản đồ số 14 (diện tích 1260m² trong đó có 200m² đất ở, 980m² đất vườn, 80m² thuộc đất quy hoạch); thửa số 626 tờ bản đồ số 14 (diện tích 700m²); các thửa số 27, 16, 26 tờ bản đồ số 13 (có diện tích lần lượt là 480m², 750m² và 690m²); thửa số 287 tờ bản đồ số 16 (diện tích 1830m²).

Ông Phạm Văn T trình bày: Diện tích đất tại thôn N, xã K, huyện V hiện ông đang quản lý, sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do năm 1991, ông có gặp bà Hồ Thị D xin dựng trại ở nhờ trên đất này (vì ông có nghe mọi người nói đất này của bà Hồ Thị D). Sau đó, bà D đã bán đất này cho ông với giá 04 chỉ vàng. Khi mua bán, bà D chỉ viết giấy tay về việc chuyển nhượng, không có giấy tờ gì khác. Khi lập hồ sơ đăng ký để được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông có khai đất do cha là Bùi X cho con gái nhưng thực tế đất này là đất do ông mua của bà Hồ Thị D.

Ông Bùi X trình bày: Phạm Văn T là con rể của ông. Nguồn gốc thửa đất số 06 tờ bản đồ số 13 có diện tích 460m² ông T đã đăng ký kê khai là đất do Bùi X cho con gái năm 1984 là không đúng sự thật. Ông nghe bà D nói đây là đất thổ của bà D. Năm 1991, bà D cho ông T ở nhờ trên đất của bà. Sau đó bà D yêu cầu ông T phải mua lại đất này, nếu không mua thì phải trả đất cho bà nên hai bên thương lượng mua bán với giá 04 chỉ vàng, bằng hình thức viết giấy tay. Khi mua bán, bà D có cho xem giấy tờ của chế độ cũ do cha bà D để lại.

Ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông được bà D cho sử dụng khoảng 01 ha đất tại thôn N, xã K để trồng hoa màu trong vòng 7 năm, kể từ năm 1993.

Ông Đoàn V trình bày: Phần đất bà Hồ Thị D có khiếu nại là đất của cha bà Hồ Thị D để lại cho bà D. Trước đây, cha của ông có thuê đất của cha bà Hồ Thị D từ năm 1940 đến năm 1946. Sau khi cha bà D bị Pháp bắn chết, cha của ông đã giao lại đất vì sợ bị liên lụy. Sau ngày đất nước thống nhất, nhiều người khác cũng thuê lại đất này để sử dụng.

Ông Nguyễn R trình bày: Ông được bà D cho sử dụng đất tại thôn N, xã K để trồng màu. Sau một thời gian sử dụng đất, việc trồng màu không có hiệu quả nên ông đã trả lại đất cho bà D.

Ông Nguyễn Đ trình bày: Ông biết đất bà D khiếu nại là đất của bà D, đã được bà D cho nhiều người trong thôn sử dụng.

Bà Phạm Thị H đã được triệu tập nhưng không đến tòa tham gia tố tụng và không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người bị kiện vắng mặt nên việc đối thoại không thể thực hiện được.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên cho là: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và người tham gia tố tụng khác đều đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Yêu cầu của người khởi kiện đối với Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 26/8/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh K là không có cơ sở pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Phiên tòa xét xử vắng mặt người bị kiện (Chủ tịch UBND tỉnh K), những người làm chứng (Phạm Văn T, Bùi X, Đoàn V, Phạm Thị H) theo quy định của các Điều 158, 159 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 26/8/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh K là quyết định giải quyết khiếu nại của bà Hồ Thị D về quản lý đất đai nên yêu cầu của người khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Thông báo số 02/TB-TA ngày 08/01/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc trả lại đơn khởi kiện của bà Hồ Thị D vì Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh K không phải là đối tượng khởi kiện là đúng với quy định của Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, việc bà Hồ Thị D khởi kiện Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh K còn được thể hiện tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2011, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/3/2012 gửi Tòa án nhân dân huyện V.

Căn cứ Giấy báo nhận đơn khởi kiện ngày 17/3/2012 và Công văn số 253/BC-TA ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện V thì tại thời điểm Nghị quyết số 01/2015 ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có hiệu lực pháp luật (ngày 01/3/2015) đơn khởi kiện ngày 22/11/2011, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/3/2012 của bà D chưa được Tòa án nhân dân huyện V xử lý. Sau đó bà D tiếp tục có đơn đề ngày 09/5/2017 yêu cầu hủy Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh K. Do vậy, căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 01/2015 ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D đối với Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh K được thụ lý giải quyết theo thủ tục chung và không thuộc trường hợp đã hết thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Quá trình tham gia tố tụng, bà Hồ Thị D chết, căn cứ vào bản di chúc do bà Hồ Thị D lập ngày 01/11/2017, Quyết định số 180/QĐ-SLĐTBXH ngày 06/02/2018 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Xác nhận của UBND xã K tại đơn đề ngày 16/4/2018, ông Lê Văn Đ là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Hồ Thị D theo Khoản 1 Điều 59 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.4] Tòa án nhân dân tỉnh K thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nội dung “Tờ khai căn nguyên” do bà Hồ Thị D xuất trình thể hiện tại thời điểm năm 1973, bà Hồ Thị D là người kê khai việc sử dụng diện tích đất do cha, mẹ của bà tạo lập trước đó. Việc xác nhận của Xã trưởng tại tờ khai chỉ mang tính chất xác nhận việc kê khai của bà D. “Tờ khai căn nguyên” này không phải là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất theo Điểm e Khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

[2.2] Ngoài “Tờ khai căn nguyên”, bà Hồ Thị D còn xuất trình Phiếu thu số 7 ngày 06/7/1995. Tuy nhiên, phiếu thu này không có căn cứ để xác định việc thu tiền đối với diện tích đất bà D yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên và không đủ căn cứ pháp lý để xác định bà D là người sử dụng đất hợp pháp hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bà yêu cầu cấp giấy chứng nhận nói trên.

[2.3] Căn cứ vào Sổ Mục kê ruộng đất của xã K và Quyết định số 14/QĐ/UB ngày 05/01/1988 của UBND tỉnh P K thì năm 1985, một phần đất trong khu đất nói trên do Hợp tác xã Nông nghiệp K sử dụng, một phần do người dân tự khai phá và không có người đăng ký kê khai sử dụng đất. Năm 1988, toàn bộ diện tích đất nói trên được giao cho Nông trường Dừa sử dụng.

[2.4] Năm 1996, bà Hồ Thị D đăng ký sử dụng đất ở vị trí khác với diện tích đất trồng lúa là 1030m², đất trồng cây lâu năm là 1830m², đất ở và đất vườn là 1260m². Tuy nhiên, với diện tích đất 18.000m², từ năm 1975 bà D không đăng ký, kê khai, không thực hiện nghĩa vụ thuế và không có tài liệu, chứng cứ nào xác định việc sử dụng ổn định đối với phần đất này. Việc chuyển nhượng đất giữa bà Hồ Thị D với ông Phạm Văn T, việc bà D đồng ý để ông Nguyễn Văn H và các cá nhân khác canh tác trên phần đất trên là không hợp pháp, không phải là căn cứ pháp lý xác định bà D là người quản lý, sử dụng hợp pháp đối với phần đất này. Việc xác nhận của ông Đoàn V, ông Nguyễn R, ông Nguyễn Đ cũng không phải là căn cứ pháp lý xác định quyền sử dụng đất hợp pháp của bà D.

[2.4] Việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hồ Thị D đối với diện tích đất 17.463m² của UBND huyện V là phù hợp với quy định của Khoản 2 Điều 10, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003. Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V bác khiếu nại của bà Hồ Thị D đối với việc UBND huyện V không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng khoảng 18.000m² (diện tích thực tế 17.463m²) đất tọa lạc tại thôn N, xã K, huyện V, Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K bác đơn khiếu nại của bà Hồ Thị D đối với Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V là có căn cứ, đúng pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D đối với Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, Khoản 2 Điều 10, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, Điều a Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính,

Bác yêu cầu của bà Hồ Thị D về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3240/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K.

2. Căn cứ Điều 348 Luật Tổ tụng Hành chính, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bà Hồ Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000314 ngày 26/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh K. Bà D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA DS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Thị Nghĩa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA DS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Nghĩa